

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tháng 3 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Kỳ Hưng	Chủ tịch	
Ông Đào Viết Trúc	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/7/2011
Ông Bùi Ngọc Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/7/2011
Ông Trần Huy Quang	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Phạm Kỳ Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Trúc	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Bùi Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục (*trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh*).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đã thu lệ phí chứng thực

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

09-04-2012

Số chứng thực 460 Quyển số 01 SCT/BS
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LAM SƠN



Phạm Kỳ Hưng
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ NGỌC MẠNH

Số: 49 /2012/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/3/2012, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Công ty chưa ghi nhận vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng với ghi giảm khoản trả trước cho người bán về giá trị của các công trình tập hợp chung cửa, vách HTOWER2; tập hợp chung nội thất HTOWER2 và chi phí thiết kế tòa nhà HTOWER 2 theo hóa đơn GTGT nhà cung cấp đã phát hành trong năm với số tiền lần lượt là 3.459.285.076 VND, 3.717.070.935 VND và 727.272.727 VND vì Công ty cho rằng Công ty chưa ký xác nhận nghiệm thu bàn giao, quyết toán của các công trình trên cũng như quyết toán chi phí thiết kế tòa nhà HTOWER 2 với Công ty TNHH Ngôi nhà hạnh phúc và Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3.



[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0804/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2012

[Handwritten signature]

Tạ Thị Việt Phương
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1445/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		46.675.391.206	32.269.827.466
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	1.133.599.051	6.644.338.677
1. Tiền	111		1.133.599.051	644.338.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.498.453.796	700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	06	3.498.453.796	700.000.000
III- Các khoản phải thu	130		23.359.217.217	16.383.891.971
1. Phải thu của khách hàng	131		6.348.585.413	9.567.748.198
2. Trả trước cho người bán	132		7.708.877.760	875.137.500
3. Phải thu nội bộ	133		-	8.440.060
5. Các khoản phải thu khác	135	07	11.692.080.669	9.506.953.728
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.390.326.625)	(3.574.387.515)
IV- Hàng tồn kho	140	08	3.059.449.235	1.726.018.963
1. Hàng tồn kho	141		3.059.449.235	1.726.018.963
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		15.624.671.907	6.815.577.855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.447.256	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		536.016.676	199.201.559
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	09	15.083.207.975	6.616.376.296
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		186.852.695.466	172.008.429.561
II- Tài sản cố định	220		1.040.733.722	26.200.871.485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.021.282.722	1.309.646.051
- Nguyên giá	222		7.464.221.003	7.732.985.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.442.938.281)	(6.423.339.407)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	19.451.000	24.891.225.434
III- Bất động sản đầu tư	240	12	64.882.225.756	19.953.493.112
- Nguyên giá	241		77.300.217.256	28.370.148.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.417.991.500)	(8.416.655.482)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	118.190.574.892	125.158.187.531
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.757.555.677	1.757.237.444
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		83.080.986.815	73.503.976.815
3. Đầu tư dài hạn khác	258		37.494.133.840	54.184.130.350
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.142.101.440)	(4.287.157.078)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.739.161.096	695.877.433
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.557.632.556	407.735.406
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	181.528.540	288.142.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		233.528.086.672	204.278.257.027

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		29.376.401.002	26.007.204.656
I- Nợ ngắn hạn	310		27.167.073.229	24.331.116.010
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	2.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		1.153.802.479	1.045.462.300
3. Người mua trả tiền trước	313		1.792.473.340	473.016.269
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	3.406.397.388	3.813.409.875
5. Phải trả người lao động	315		655.878.000	1.676.732.908
6. Chi phí phải trả	316	18	1.569.148.273	2.089.380.685
7. Phải trả nội bộ	317		40.037.973	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	11.328.275.936	10.812.832.766
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.041.881.836	1.738.858.442
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.179.178.004	2.681.422.765
II- Nợ dài hạn	330		2.209.327.773	1.676.088.646
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.780.870.955	1.281.497.502
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		428.456.818	357.546.844
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	37.044.300
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		204.151.685.670	178.271.052.371
I- Nguồn vốn, quỹ	410	20	204.151.685.670	178.271.052.371
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.596.560.000	125.084.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		974.823	974.823
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.854.476	(7.360.691)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.953.490.029	5.953.490.029
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.926.912.151	25.926.912.151
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.065.616.803	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.606.277.388	21.312.336.059
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		233.528.086.672	204.278.257.027

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
02000 Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)	7.481,68	12.892,67



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	38.710.816.298	47.078.665.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	38.710.816.298	47.078.665.745
4. Giá vốn hàng bán	11	22	31.955.933.440	42.642.061.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.754.882.858	4.436.604.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	26.621.338.861	29.828.827.589
7. Chi phí tài chính	22	24	1.212.150.035	4.900.416.701
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		321.635.429	608.527.836
8. Chi phí bán hàng	24		180.167.778	130.232.043
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		564.002.891	6.114.096.617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		31.419.901.015	23.120.686.244
11. Thu nhập khác	31		871.848.710	2.370.487.601
12. Chi phí khác	32		36.306.000	118.243.929
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	835.542.710	2.252.243.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.255.443.725	25.372.929.916
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.455.207.373	4.348.735.884
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	106.613.487	(288.142.027)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		27.693.622.865	21.312.336.059
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.022	2.161



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			32.312.863.725	25.372.929.916
1. Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	10,12	4.487.600.892	4.391.192.574
- Các khoản dự phòng	03		(329.116.528)	5.459.262.958
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.825.541.089)	(30.064.312.814)
- Chi phí lãi vay	06	24	321.635.429	608.527.836
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.910.022.429	5.767.600.470
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.283.538.064)	(1.031.361.747)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.333.430.272)	425.343.796
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		418.233.245	(727.074.903)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.155.344.406)	525.561.819
- Tiền lãi vay đã trả	13		(280.488.327)	(608.527.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.931.222.789)	(3.751.235.296)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.500.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(306.067.394)	(145.048.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.938.989.912	455.257.947
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(24.504.615.184)	(14.345.605.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		142.727.272	95.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.698.453.796)	(700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		74.900.000.000	13.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.577.328.233)	(34.417.526.815)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.579.322.000	27.030.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.588.728.726	4.252.479.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.430.380.785	(4.585.198.777)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.373.418.936	16.348.382.800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.373.418.936)	(31.948.382.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.328.737.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.000.000.000	(19.928.737.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.519.954.793)	(24.058.678.630)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	05	6.644.338.677	30.710.377.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.215.167	(7.360.691)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	05	1.133.599.051	6.644.338.677



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng được chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3270 QĐ/UB ngày 20/12/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, theo hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để thành lập Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000346 ngày 25/12/2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/4/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 07/4/2005, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 28/4/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 28/3/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06/7/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/11/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 25/9/2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 23/5/2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 24/9/2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 09/7/2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 09/4/2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười ba ngày 11/6/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Tên tiếng Anh: HAIPHONG CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION NO 3

Tên viết tắt: HACO3

Vốn điều lệ: 142.596.560.000 VND

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cầu cống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng, hàng điện lạnh, đèn và bộ đèn điện;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar);
- Điều hành tour du lịch;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, chi tiết: khám chữa bệnh;
- Giám dực mầm non;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện: chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính*

- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại: quần áo, giày dép, hàng ngũ kim, đồ dùng gia đình, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, đồ chơi trẻ em (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: lắp dựng khung nhà tiền chế;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: sản xuất khung nhà tiền chế;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn tre, nứa gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vecni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở).

Địa chỉ trụ sở chính: số 7 Hồ Sen, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là "Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh): đặt tại số 173 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản cuộc họp lần thứ 31 số 35/BB-Cty ngày 07/02/2007 của Hội đồng quản trị, Chi nhánh Hồ Chí Minh sẽ được tiến hành cổ phần hóa tại thời điểm 01/3/2007 với hình thức Công ty không giữ cổ phần chi phối và vốn điều lệ của Công ty Cổ phần mới bằng giá trị doanh nghiệp được xác định tại thời điểm cổ phần hóa theo quy định hiện hành. Theo biên bản họp lần thứ 41 số 46/BB-Cty ngày 31/01/2008 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định không nắm giữ và bán 30% cổ phần với giá trị là 2.373.615.729 VND. Tuy nhiên, từ đó đến nay, quá trình chuyển đổi vẫn chưa được hoàn tất.

Tính từ thời điểm 01/01/2008, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã tạm ngừng hoạt động. Trong năm 2011, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không phát sinh các giao dịch, không hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính. Số liệu từ các năm trước liên quan đến Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không được hợp cộng với số liệu của Văn phòng Công ty nhưng được Công ty bù trừ và theo dõi như một khoản công nợ khác.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, bao gồm: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ).

Số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ ngắn hạn (01 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn này được phản ánh vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá (VAS 10).

Nếu xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của VAS 10 thì kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty sẽ tăng lên một khoản là 1.854.476 VND.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 20.828 VND/USD; 31/12/2010 là 18.932 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến từng công trình dở dang đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Phương pháp tính giá thành: theo phương pháp giản đơn, giá thành được tập hợp cho từng công trình.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

4.9 Các khoản đầu tư tài chính**- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:**

Vốn đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm tiền mặt cấp cho Công ty con và giá trị ghi sổ của các tài sản bàn giao cho Công ty con. Năm 2011, Công ty ghi nhận lợi nhuận từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc với số tiền là 540.928.233 VND, được bù trừ với phần vốn Công ty còn đang góp thiếu tại Công ty con này.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản thu nhập được chia từ Công ty liên kết (cổ tức, lợi nhuận) cho giai đoạn sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư từ Công ty liên kết được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 bao gồm:

Công ty Cổ phần Thành Hưng: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 29.53% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 22,34% vốn điều lệ đăng ký). Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Thành Hưng thì Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Hưng với tỷ lệ 35% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Thành Hưng. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp vốn chiếm tỷ lệ 45,42% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần ACS Việt Nam. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 40% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 6,1% vốn điều lệ đăng ký). Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray thì Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray với tỷ lệ 40% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Năm 2011 chưa phát sinh cổ tức, lợi nhuận được chia hay các khoản khác từ khoản đầu tư vào các Công ty trên.

Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương GS-HP: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp vốn chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty ghi nhận lãi được chia từ khoản đầu tư này là 11.282.175.915 VND vào doanh thu hoạt động tài chính.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:**

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại 31/12/2011 là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn khác:**

Phản ánh các khoản đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật, các khoản cho vay có thời hạn không quá 12 tháng và các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 03 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư ngắn hạn khác tại 31/12/2011 bao gồm khoản tiền cho Công ty Cổ phần ACS Việt Nam vay với kỳ hạn 06 tháng và cho ông Nguyễn Hồng Chung vay với kỳ hạn 1 năm, ông Lê Quang Chùng vay với kỳ hạn 06 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào ngày giao dịch và được thể hiện theo giá trị ước tính hợp lý. Những thay đổi về giá trị hợp lý, lãi hay cổ tức thu được từ đầu tư cổ phiếu đã được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty ước tính khoản tiền lãi từ các khoản tiền gửi, tiền cho vay theo lãi suất có kỳ hạn quy định trong hợp đồng và phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm: đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK), cổ phiếu của Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK), cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm sản Hải Phòng, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Cổ tức nhận được trong năm tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại 31/12/2011, Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty Cổ phần ACS Việt Nam với số tiền lần lượt là 3.272.616.165 VND và 1.324.108.640 VND.

4.10 Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.11 Các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của đồ dùng quản lý, công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

4.12 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí ước tính còn phải trả cho mặt bằng và các chi phí khác thực tế phát sinh nhưng đến thời điểm 31/12/2011 chưa thanh toán. Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.13 Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 2% tính trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội năm nay theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trong năm, số dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ chi trợ cấp cho người lao động, số thiếu này Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Năm 2011, Công ty có tăng vốn đầu tư chủ sở hữu thêm 17.511.860.000 VND theo Biên bản của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28/4/2011 và phân phối lợi nhuận năm 2010 trong đó:

Trích quỹ dự trữ bắt buộc theo điều lệ (5%):	1.065.616.803 VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (6%):	1.214.803.155 VND
Trích quỹ khen thưởng Ban TGD (3%):	607.401.578 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (14%):	17.511.860.000 VND

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền bán chứng khoán ngắn hạn, lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và chênh lệch tỷ giá, được ghi nhận cụ thể như sau:

- Tiền bán chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận trên cơ sở thu nhập thuần từ tiền thực tế thu được từ việc bán các chứng khoán ngắn hạn niêm yết trên thị trường chứng khoán sau khi đã trừ đi giá gốc của chứng khoán;
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

4.16 Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm, dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và chi phí tài chính khác.

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế;
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn là các khoản dự phòng đã lập tại thời điểm 31/12/2011.

4.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra của dịch vụ xây lắp là 10%, của hàng hoá và dịch vụ khác là 10%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204001908 lần đầu ngày 14/01/2009 và thay đổi lần thứ nhất ngày 30/9/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3 dưới hình thức đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3 được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 17,88% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204002598 lần đầu ngày 05/6/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 21/05/2010, thay đổi lần thứ hai ngày 04/11/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc dưới hình thức đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 37,92% vốn điều lệ.

Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương GS-HP dưới hình thức Công ty liên kết chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ được coi là bên liên quan của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 44.03.000073 lần đầu ngày 24/4/2003, Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/10/2007, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Hưng dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 35%. Theo đó, Công ty Cổ phần Thành Hưng được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 29,53% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 22,34% vốn điều lệ đăng ký) và có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty Cổ phần Thành Hưng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203001798 lần đầu ngày 14/10/2005, Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19/02/2009, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần ACS Việt Nam dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 45,42%. Theo đó, Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được coi là bên liên quan của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 02010042634 lần đầu ngày 09/3/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 40%. Theo đó, Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 40% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 6,1% vốn điều lệ đăng ký) và có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray.

Các giao dịch với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204001908 lần đầu ngày 14/01/2009 và thay đổi lần thứ nhất ngày 30/9/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3 dưới hình thức đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3 được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 17,88% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204002598 lần đầu ngày 05/6/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 21/05/2010, thay đổi lần thứ hai ngày 04/11/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc dưới hình thức đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 37,92% vốn điều lệ.

Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương GS-HP dưới hình thức Công ty liên kết chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ được coi là bên liên quan của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 44.03.000073 lần đầu ngày 24/4/2003, Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/10/2007, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Hưng dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 35%. Theo đó, Công ty Cổ phần Thành Hưng được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 29,53% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 22,34% vốn điều lệ đăng ký) và có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty Cổ phần Thành Hưng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203001798 lần đầu ngày 14/10/2005, Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19/02/2009, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần ACS Việt Nam dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 45,42%. Theo đó, Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được coi là bên liên quan của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 02010042634 lần đầu ngày 09/3/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 40%. Theo đó, Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 40% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 6,1% vốn điều lệ đăng ký) và có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray.

Các giao dịch với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	569.572.608	117.254.800
Tiền gửi ngân hàng	564.026.443	527.083.877
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
Cộng	1.133.599.051	6.644.338.677

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		104.187.700		-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.000	104.187.700	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		3.394.266.096		700.000.000
Cộng		3.498.453.796		700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		-
Tổng cộng		3.498.453.796		700.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.282.175.916	9.028.516.886
Phải thu từ cơ quan BHXH	15.165.528	15.282.840
Phải thu khác	394.739.225	463.154.002
Cộng	11.692.080.669	9.506.953.728

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.222.994	130.222.994
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.432.053.206	1.341.885.910
Hàng hoá	479.375.035	253.910.059
Cộng	3.059.449.235	1.726.018.963
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.059.449.235	1.726.018.963

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	15.083.207.975	6.616.376.296
Cộng	15.083.207.975	6.616.376.296

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	4.133.921.581	1.570.257.578	1.749.914.897	278.891.402	7.732.985.458
Tăng trong năm	-	-	-	197.901.545	197.901.545
Mua sắm mới	-	-	-	197.901.545	197.901.545
Giảm trong năm	-	466.666.000	-	-	466.666.000
Thanh lý	-	466.666.000	-	-	466.666.000
Số dư tại 31/12/2011	4.133.921.581	1.103.591.578	1.749.914.897	476.792.947	7.464.221.003
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	3.228.852.595	1.522.379.673	1.473.468.105	198.639.034	6.423.339.407
Tăng trong năm	241.353.228	40.547.295	155.501.320	48.863.031	486.264.874
Khấu hao trong năm	241.353.228	40.547.295	155.501.320	48.863.031	486.264.874
Giảm trong năm	-	466.666.000	-	-	466.666.000
Thanh lý	-	466.666.000	-	-	466.666.000
Số dư tại 31/12/2011	3.470.205.823	1.096.260.968	1.628.969.425	247.502.065	6.442.938.281
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2011	905.068.986	47.877.905	276.446.792	80.252.368	1.309.646.051
Số dư tại 31/12/2011	663.715.758	7.330.610	120.945.472	229.290.882	1.021.282.722

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại-Cau - Lê Chân - Thành phố-Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

	<u>Nguyên giá (VND)</u>	<u>Giá trị còn lại (VND)</u>
Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng	3.485.519.334	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	24.891.225.434	10.611.952.549
Tăng	24.058.294.228	14.279.272.885
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	48.930.068.662	-
Kết chuyển giảm khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	<u>19.451.000</u>	<u>24.891.225.434</u>

(*): Số dư là khoản xây dựng nhà hàng tầng 12 chung cư lô S.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Chung cư</u> <u>195 Văn Cao</u>	<u>Chung cư</u> <u>197 Văn Cao</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	28.370.148.594	-	28.370.148.594
Tăng trong năm	-	48.930.068.662	48.930.068.662
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>28.370.148.594</u>	<u>48.930.068.662</u>	<u>77.300.217.256</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	8.416.655.482	-	8.416.655.482
Trích khấu hao trong năm	3.446.666.100	554.669.918	4.001.336.018
Giảm khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>11.863.321.582</u>	<u>554.669.918</u>	<u>12.417.991.500</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2011	<u>19.953.493.112</u>	<u>-</u>	<u>19.953.493.112</u>
Số dư tại 31/12/2011	<u>16.506.827.012</u>	<u>48.375.398.744</u>	<u>64.882.225.756</u>

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc		2.578.715.581		1.578.397.348
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Haco 3		178.840.096		178.840.096
Cộng		2.757.555.677		1.757.237.444
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Liên doanh Làng quốc tế		13.310.000.000		13.310.000.000
Hướng Dương GS-HP				
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam	4.905.180	60.274.135.000	4.769.725	56.081.125.000
Công ty Cổ phần Thành Hưng	893.645	8.936.450.000	360.045	3.600.450.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Y học	56.040	560.401.815	51.240	512.401.815
Lạch Tray				
Cộng		83.080.986.815		73.503.976.815
Đầu tư dài hạn khác				
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng Cổ phần Xuất nhập khẩu				
Việt Nam	52.041	626.568.840	306.112	4.312.439.350
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	180.466	7.282.940.000	154.245	7.282.940.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ	6.802.240	29.584.625.000	6.415.016	35.049.251.000
thương Việt Nam				
Công ty Cổ phần Thương mại và		-	500.000	6.750.000.000
Xuất nhập khẩu Ánh Dương				
Công ty Cổ phần Lâm sản Hải Phòng		-	31.580	789.500.000
Cộng		37.494.133.840		54.184.130.350
Dự phòng đầu tư dài hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại và		-		(1.014.540.913)
Xuất nhập khẩu Ánh Dương				
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng		(3.817.992.800)		(3.272.616.165)
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		(1.324.108.640)		-
Cộng		(5.142.101.440)		(4.287.157.078)
Đầu tư dài hạn thuần		118.190.574.892		125.158.187.531

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.557.632.556	407.735.406
Cộng	2.557.632.556	407.735.406

15. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	181.528.540	288.142.027
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	181.528.540	288.142.027

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay và nợ ngắn hạn	2.000.000.000	-
Ông Phạm Kỳ Hưng (*)	2.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-

(*): Khoản vay theo hợp đồng số 02/2011 ngày 19/9/2011 có thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 18%/năm.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.552.073	4.552.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.328.327.836	3.804.343.252
Thuế thu nhập cá nhân	16.097.479	4.514.550
Cộng	3.406.397.388	3.813.409.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí phải trả khác	1.569.148.273	2.089.380.685
Cộng	1.569.148.273	2.089.380.685

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	133.961.830	129.709.291
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.194.314.106	10.665.416.163
Dư có phải thu khác (TK 138)	-	17.707.312
Cộng	11.328.275.936	10.812.832.766

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Tại ngày 01/01/2010	72.145.630.000	50.193.200.000	-	3.498.363.936	16.680.215.348	931.544.106	19.367.348.197	162.816.301.587
Tăng trong năm	52.939.070.000	-	-	2.455.126.093	9.246.696.803	1.227.563.047	21.312.336.059	87.180.792.002
Giảm trong năm	-	50.192.225.177	7.360.691	-	-	2.159.107.153	19.367.348.197	71.726.041.218
Tại ngày 31/12/2010	125.084.700.000	974.823	(7.360.691)	5.953.490.029	25.926.912.151	-	21.312.336.059	178.271.052.371
Tại ngày 01/01/2011	125.084.700.000	974.823	(7.360.691)	5.953.490.029	25.926.912.151	-	21.312.336.059	178.271.052.371
Tăng trong năm	17.511.860.000	-	9.621.028	-	-	1.065.616.803	27.693.622.865	46.280.720.696
Giảm trong năm	-	-	405.861	-	-	-	20.399.681.536	20.400.087.397
Tại ngày 31/12/2011	142.596.560.000	974.823	1.854.476	5.953.490.029	25.926.912.151	1.065.616.803	28.606.277.388	204.151.685.670

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	125.084.700.000	72.145.630.000
Vốn góp tăng trong năm	17.511.860.000	52.939.070.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	142.596.560.000	125.084.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.511.860.000	4.328.737.800

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CỔ PHIẾU

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.259.656	12.508.470
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu phổ thông	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu thường	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	21.312.336.059	19.367.348.197
Tăng trong năm	27.693.622.865	21.312.336.059
Lợi nhuận trong năm	27.693.622.865	21.312.336.059
Giảm trong năm	20.399.681.536	19.367.348.197
<u>Phân phối lợi nhuận năm trước</u>	20.399.681.536	14.769.237.920
<u>Bổ sung vốn điều lệ</u>	17.511.860.000	587.737.670
<u>Trích Quỹ dự trữ bắt buộc theo điều lệ 5%</u>	1.065.616.803	1.227.563.047
<u>Trích Quỹ đầu tư phát triển</u>	-	2.455.126.093
<u>Trích Quỹ dự phòng tài chính</u>	-	9.246.696.803
<u>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	1.822.204.733	1.252.114.307
<u>Tạm phân phối lợi nhuận trong năm</u>	-	4.328.737.800
<u>Tạm trả cổ tức cho chủ sở hữu</u>	-	4.328.737.800
<u>Truy thu thuế các năm trước</u>	-	269.372.477
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	28.606.277.388	21.312.336.059

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính***21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	38.710.816.298	47.078.665.745
Doanh thu bán hàng hóa	10.393.625.545	10.983.795.815
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.462.235.790	14.915.513.908
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.854.954.963	21.179.356.022
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.710.816.298	47.078.665.745

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.977.203.968	10.737.807.406
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.946.943.999	11.542.611.233
Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.031.785.473	20.361.643.090
Cộng	31.955.933.440	42.642.061.729

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	723.947.879	1.866.209.542
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	2.486.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.069.540.448	9.130.554.486
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.151.035	25.576.562
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.798.699.499	18.804.000.000
Cộng	26.621.338.861	29.828.827.589

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MÀU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	321.635.429	608.527.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.372.924	1.101.787
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	854.944.362	4.287.157.078
Chi phí tài chính khác	11.197.320	3.630.000
Cộng	1.212.150.035	4.900.416.701

25. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	142.727.272	95.454.546
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	2.754.545
Thu từ góp vốn đầu tư bằng tài sản	53.990.909	282.568.702
Thu từ hoàn nhập chi phí bảo hành	-	1.421.400.500
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	200.280.900	217.002.584
Thu từ chênh lệch giá thép cấp cho các công trình	-	34.130.822
Thu nhập khác	474.849.629	317.175.902
Thu nhập khác	871.848.710	2.370.487.601
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	114.474.462
Giá trị thanh lý công cụ dụng cụ	-	3.769.467
Chi phí khác	36.306.000	-
Chi phí khác	36.306.000	118.243.929
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	835.542.710	2.252.243.672

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MÀU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	32.255.443.725	25.372.929.916
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán (2)	(12.860.670.587)	(7.977.986.380)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>697.749.312</i>	<i>1.152.568.106</i>
Lãi vay cá nhân không được tính là chi phí hợp lệ	53.317.809	-
Tiền phạt của thanh tra Hải Phòng năm 2010	36.306.000	-
Chi phí chưa có chứng từ	608.125.503	1.152.568.106
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>13.558.419.899</i>	<i>9.130.554.486</i>
Chi phí trích trước năm 2010 có chứng từ trong năm 2011	1.034.579.451	-
Cổ tức được chia của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	200.518.500	-
Lãi nhận được từ Công ty LD Làng quốc tế Hướng Dương GS-HP	11.282.175.915	8.661.182.486
Lãi nhận được từ Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc	540.928.233	-
Cổ tức được chia của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	45.917.800	469.372.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng theo biên bản kiểm toán	454.300.000	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế (3) = (1) + (2)	19.394.773.138	17.394.943.536
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hưởng ưu đãi (3a)	6.533.662.157	-
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không hưởng ưu đãi (3b)	12.861.110.981	-
Thuế suất thuế TNDN (4)	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (5)=(3)x(4)	4.848.693.285	4.348.735.884
Giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư 154/2011/TT-BTC (6)	490.024.662	-
Truy thu thuế TNDN của các năm trước (7)	96.538.750	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(5)-(3)+(7)	4.455.207.373	4.348.735.884

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	106.613.487	(288.142.027)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	106.613.487	(288.142.027)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	27.693.622.865	21.312.336.059
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)		-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2)	27.693.622.865	21.312.336.059
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (4)	13.698.317	9.861.517
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	<u>2.022</u>	<u>2.161</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.783.386.662	12.605.462.342
Chi phí nhân công	9.835.443.403	11.399.157.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.487.600.892	4.391.192.574
Chi phí khác bằng tiền	8.497.177.094	11.280.028.384
Cộng	<u>40.603.608.051</u>	<u>39.675.841.221</u>

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	716.080.118
Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.126.512.878
Phải thu về lãi liên doanh	11.282.175.915	8.661.182.486
Thanh toán tiền lãi liên doanh	8.661.182.485	1.624.220.168
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3		
Phải thu về tiền cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	86.864.700	138.000.000
Phải thu khác	48.599.734	62.548.259
Thanh toán tiền phải thu khác	-	15.515.957
Ứng trước chi phí thiết kế chung cư lô Q	300.000.000	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MÀU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính*

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc		
Phải thu về phí dịch vụ, tiền điện	168.614.306	191.134.594
Thanh toán tiền phí dịch vụ, tiền điện	183.887.965	17.558.258
Phải trả về mua nội thất	125.623.579	-
Thanh toán tiền mua nội thất	106.045.779	-
Tiền thuê đất nộp hộ	34.605.000	34.605.000
Thanh toán tiền thuê đất nộp hộ	34.605.000	-
Giảm trừ tiền lãi vay không phải trả	(10.509.589)	-
Phải thu khác về tiền lãi cho vay	-	10.509.589
Ứng trước chi phí chung cư lô Q	4.997.472.490	350.000.000
Góp vốn bằng bù trừ tiền cho vay	400.000.000	-
Góp vốn bằng lợi nhuận được chia	540.928.233	
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	59.390.000	
Thu về tiền cho vay	200.000.000	
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.877.917.666	5.328.458.334
Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.133.357.600	5.096.340.856
Góp vốn	4.193.010.000	33.481.125.000
Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray		
Phải thu về tiền thuê nhà	870.149.000	674.992.500
Thanh toán tiền thuê nhà	826.044.000	538.492.500
Góp vốn	48.000.000	512.401.815
Công ty Cổ phần Thành Hưng		
Góp vốn	5.336.000.000	-
Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP		
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	-
Góp vốn	13.310.000.000	13.310.000.000
Phải thu về lãi liên doanh	11.282.175.916	8.661.182.486
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3		
Phải thu về tiền cho thuê văn phòng	224.864.700	138.000.000
Ứng trước chi phí thiết kế chung cư lô Q	800.000.000	500.000.000
Góp vốn	178.840.096	178.840.096
Phải thu khác	101.789.161	53.189.427
Công ty Cổ phần Thành Hưng		
Góp vốn	8.936.450.000	3.600.450.000
Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray		
Phải thu về tiền thuê nhà	180.605.000	136.500.000
Góp vốn	560.401.815	512.401.815

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

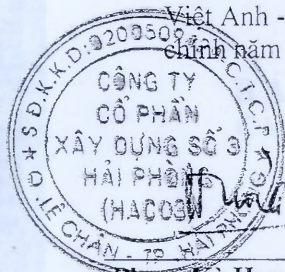
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc		
Phải trả về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	159.500.000	174.773.659
Góp vốn	1.578.397.348	1.578.397.348
Phải thu khác	34.605.000	34.605.000
Ứng trước tiền hàng	5.327.894.690	350.000.000
Phải thu về lãi cho vay	-	10.509.589
Cho vay	-	600.000.000
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	630.188.344	232.117.478
Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	-	114.371.722
Góp vốn	60.274.135.000	56.081.125.000

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên báo cáo tài chính năm hiện hành.

**Phạm Kỳ Hưng**
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán